TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2019/HNGĐ-ST
Ngày 24 /9/2019
V/v "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ C - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Kim Loan – Bà Mai Tường Vi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Xuân Chiêm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố C.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử số 1 - Toà án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 96/2019TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2019 về việc "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2019; Quyết định Hoãn phiên tòa số 20/2019/QĐST- HNGĐ, ngày 26/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị L, sinh năm 1961;

Nghề nghiệp: Nghỉ hưu.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 35, khu 3, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh - Có mặt tại phiên toà

Bị đơn: Anh Đoàn Thanh B, sinh năm 1962;

Nghề nghiệp: Nghỉ hưu.

Nơi ĐKHKTT: Tổ 35, khu 3, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên toà

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn có xác nhận của UBND phường CP, thành phố C ngày 20/02/2019 và đơn khởi kiện bổ xung ngày 20/02/2019 và trong các lời khai tại hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Hà Thị L và anh Đoàn Thanh B kết hôn với nhau năm 1983, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Trước khi kết hôn anh chị có thời gian tìm hiểu nhau là 01 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng bố mẹ chồng tại tổ 37 (nay là tổ 35), khu 3, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc đến đầu năm 1991 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh B có quan hệ trai gái với người phụ nữ khác, thời gian đó mâu thuẫn của vợ cũng đã trầm trọng và chị L đã đưa đơn lên Tòa án để giải quyết ly hôn. Nhưng quá trình Tòa án giải quyết đã hòa giải và vợ chồng đã về đoàn tụ gia đình nhưng chỉ được một thời gian anh Bvẫn có quan hệ trai gái và nhiều lần còn đánh đập vợ con. Nay xét thấy mâu thuẫn cuộc sống chung vợ chồng không thể kéo dài, mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, chị L yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố C xem xét và giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đoàn Thanh B.

Về con chung: Chị Hà Thị L và anh Đoàn Thành Bình có 02 con chung là Đoàn Thị Lệ H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1985 và Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1990. Khi ly hôn, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Đoàn Thanh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng có nội dung bản tự khai như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đoàn Thanh B xác nhận về thời gian, hoàn cảnh kết hôn như phần trình bày của chị Hà Thị L là đúng. Cuộc sống vợ chồng cũng có mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn, nay chị Lxin ly hôn, anh Bkhông đồng ý ly hôn, yêu cầu Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh Đoàn Thanh B và chị Hà Thị L có 02 con chung là Đoàn Thị Lệ H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1985 và Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1990. Khi ly hôn, hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Không có.

Tại biên bản xác minh, thu thập chứng cứ ngày 26/6/2019 có sự tham gia của ông Đào Hưng Đích là trưởng khu 3 phường CP, thành phố C có nội dung như sau: Chị Hà Thị L và anh Đoàn Thành Bình có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, sinh sống tại tổ 35, khu 3, phường CP, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh trong cuộc sống chung của vợ chồng chị L, anh B, tổ dân khu phố thấy hai vợ

chồng có mâu thuẫn, anh B thường xuyên đánh đập chị L, những lần như vậy đều có tổ dân đến hòa giải và cũng có lần có sự can thiệp của Công an phường CP, nay chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh B và đề nghị Tòa án giải quyết quan hệ hôn nhân giữa chị L, anh B theo qui định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố C, tỉnh Quảng Ninh theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình Tòa án giải quyết đã tiến hành hòa giải nhưng không thành, chị Lcó đơn yêu cầu từ chối hòa giải thêm nên Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, đã thực hiện việc cấp tống đạt văn bản tố tụng cho các đương sự theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 26/8/2019 anh Bvắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh B tiếp tục vắng mặt không có lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

2. Về quan hệ hôn nhân giữa Chị Hà Thị L và anh Đoàn Thanh B là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống do anh B có quan hệ trai gái, thường xuyên đánh đập chị L, những lần như vậy đều có tổ dân đến hòa giải và cũng có lần có sự can thiệp của Công an phường CP, từ đó dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng căng thẳng, vợ chồng đã tìm cách khắc phục nhưng không có kết quả. Hiện tại vợ chồng không còn quan hệ tình cảm, còn anh B cho rằng vẫn còn thương yêu chị L và đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ, Tòa án dã chấp nhận ý kiến của anh B và để cho anh B một thời gian thuyết phục, thương lượng về tình cảm với chị L, nhưng trong suốt một thời gian dài anh B không thuyết phục hay thương lượng gì để tình cảm vợ chồng được cải thiện và quay về đoàn tụ. Không những thế khi Tòa án thông báo hòa giải lần 2 chị L có đơn từ chối hòa giải, mặt khác khi xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần

nhưng anh B không đến phiên tòa, đây thể hiện anh B đã từ chối bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử đã thuyết phục và khuyên giải chị L để vợ chồng về đoàn tụ, nhưng chị L vẫn cương quyết xin ly hôn với anh B, ngoài ra theo biên bản xác minh tại địa phương của Tòa án ngày 26/6/2019, tổ dân, khu phố cung cấp thì có mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, anh B thường xuyên đánh đập chị L, gia đình hai bên cũng như tổ dân khu phố đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả, hiện tại tuy ở chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh B đã mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L xin ly hôn anh B là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 được chấp nhận.

3. Về con chung: Chị Hà Thị L và anh Đoàn Thanh B có 02 con chung là Đoàn Thị Lệ H, sinh ngày 22 tháng 3 năm 1985 và Đoàn Thị Huyền T, sinh ngày 29 tháng 4 năm 1990. Khi ly hôn, hai con chung đã trưởng thành, Hội đồng xét xử không xét.

4. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về công nợ chung: Không có.

6. Về án phí: Chị Hà Thị L phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 461 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51; Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị L. Cho chị Hà Thị L được ly hôn với anh Đoàn Thanh B.

2. Về án phí: Chị Hà Thị L phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Hà Thị L đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004456 ngày 25/3/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Quảng Ninh;*
- *VKSND TP. C;*
- *Chi cục THADS TP. C;*
- *Các đương sự*
- *UBND phường CP;*
- *Lưu hồ sơ, văn phòng.*

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Bùi Văn Trọng